

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 781/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2020

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ...C.....
	Ngày 09/6/2020..

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số Phụ lục Quyết định
số 1048/QĐ-TTg ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ
về việc ban hành Bộ Tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm
Chương trình mỗi xã một sản phẩm**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ Tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ Tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1048/QĐ-TTg) như sau:

1. Sửa đổi tên nhóm sản phẩm “Dịch vụ du lịch - truyền thống - lễ hội tại Mục 1, Phần VI, Phụ lục I thành nhóm: “Dịch vụ du lịch cộng đồng và điểm du lịch”.

2. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ 3, điểm c, Mục 1, Phụ lục II: “- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá và Giấy chứng nhận cho các sản phẩm đạt 05 sao (là sản phẩm OCOP cấp quốc gia), tổ chức công bố kết quả.

Trường hợp kết quả đánh giá của Hội đồng cấp Trung ương không đạt 05 sao, Hội đồng cấp Trung ương gửi trả hồ sơ về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để đánh giá lại và hoàn thiện hồ sơ đánh giá, phân hạng sản phẩm theo thẩm quyền được phân cấp”.

3. Bổ sung tiết 1, điểm a, mục 4, Phụ lục II: “- Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, khuyến khích, hỗ trợ và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tham gia đăng ký và chuẩn bị hồ sơ sản phẩm, xác nhận các nội dung của hồ sơ minh chứng về tỷ lệ sử dụng lao động địa phương, nguồn nguyên liệu.”

4. Bổ sung tiết 3, điểm a, Mục 4, Phụ lục II: “- Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo kết quả cho Ủy ban nhân dân cấp xã để tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể phát triển sản phẩm.”

5. Bổ sung tiết 4, điểm b, Mục 4, Phụ lục II “- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo kết quả cho Ủy ban nhân dân cấp huyện để tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể phát triển sản phẩm.”

6. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ 5, tiết 4, điểm b, Mục 4, Phụ lục II “- Trường hợp Hội đồng cấp Trung ương đánh giá có kết quả không đạt yêu cầu (không đạt 05 sao), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức đánh giá lại và hoàn thiện hồ sơ đánh giá, phân hạng sản phẩm theo thẩm quyền được phân cấp”.

7. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ 3, tiết 4, điểm c, Mục 4, Phụ lục II: “- Trường hợp kết quả đánh giá của Hội đồng cấp Trung ương không đạt yêu cầu (không đạt 05 sao), Hội đồng cấp Trung ương gửi trả hồ sơ về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để đánh giá lại và hoàn thiện hồ sơ đánh giá, phân hạng sản phẩm theo thẩm quyền được phân cấp”.

8. Bổ sung Mục 6, Phụ lục II nội dung: “6. Yêu cầu về một số tiêu chí cần đạt tối thiểu trong đánh giá, phân hạng sản phẩm”.

Áp dụng đối với các nhóm sản phẩm (trừ nhóm sản phẩm Dịch vụ du lịch cộng đồng và điểm du lịch).

Chi tiết các yêu cầu tại Biểu số 05 kèm theo Quyết định này”.

9. Bổ sung Biểu số 05, Phụ lục II như Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

10. Sửa đổi nội dung tại số thứ tự 26, trang 1 của Phụ lục III “Bộ sản phẩm: Dịch vụ du lịch cộng đồng và điểm du lịch”.

11. Thay thế Bộ tiêu chí đánh giá sản phẩm OCOP tại Mục 26, Phụ lục III nội dung như Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Giao Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng và ban hành hướng dẫn chi tiết về thực hiện Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm ở các cấp, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm.

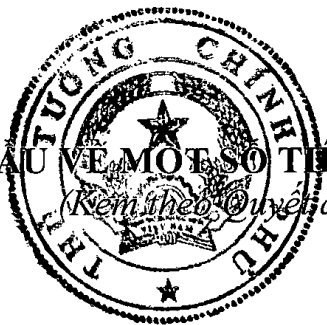
3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2b) 110



Trịnh Đình Dũng



Phụ lục I
YÊU CẦU VỀ MỘT SỐ TIÊU CHÍ CẦN ĐẠT TỐI THIỂU TRONG ĐÁNH GIÁ, PHÂN HẠNG SẢN PHẨM
(Kèm theo Quyết định số 781/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Nhóm tiêu chí	Một số tiêu chí cần đạt tối thiểu theo từng phân hạng sản phẩm OCOP				
	01 sao	02 sao	03 sao	04 sao	05 sao
Phần A. Sản phẩm và sức mạnh của cộng đồng	1) Tỷ lệ sử dụng nguyên liệu địa phương: - Nhóm 1*: từ 75% trở lên; - Nhóm 2*: từ 50% trở lên; - Nhóm 3, 4, 5*: có sử dụng nguyên liệu địa phương.	1) Đáp ứng các yêu cầu của hạng 01 sao. 2) Năng lực sản xuất đáp ứng yêu cầu phân phối: Quy mô sản xuất phù hợp theo quy định gắn với định hướng phát triển sản phẩm. 3) Sử dụng lao động địa phương: tối thiểu 50%.	1) Đáp ứng các yêu cầu của hạng 02 sao. 2) Năng lực sản xuất đáp ứng yêu cầu phân phối: Quy mô sản xuất được mở rộng theo quy định. 3) Tính hoàn thiện của bao bì: Có bao bì, nhãn mác theo quy định.	1) Đáp ứng các yêu cầu của hạng 03 sao. 2) Năng lực sản xuất đáp ứng yêu cầu phân phối: Quy mô sản xuất lớn. 3) Chủ thể sản xuất hoạt động hiệu quả (Hợp tác xã xếp loại khá, các loại hình khác có 2 năm liên kế liên tiếp tăng trưởng dương). 4) Liên kết sản xuất: Có Hợp đồng liên kết sản xuất. 5) Bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất: Có Hồ sơ, thủ tục về môi trường theo quy định của pháp luật và các quy định khác về quản lý môi trường.	1) Đáp ứng các yêu cầu của hạng 04 sao. 2) Tính hoàn thiện của bao bì: Nhóm 1, 2, 3 và 4: Bao bì hiện đại, tiện lợi.

Nhóm tiêu chí	Một số tiêu chí cần đạt tối thiểu theo từng phân hạng sản phẩm OCOP				
	01 sao	02 sao	03 sao	04 sao	05 sao
				6) Tính hoàn thiện của bao bì: Bao bì, nhãn mác sản phẩm theo quy định, có tem truy xuất nguồn gốc điện tử.	
Phần B. Khả năng tiếp thị	1) Ý tưởng sản phẩm: - Nhóm 1, 2 và 3: Có tài liệu mô tả về ý tưởng của sản phẩm. - Nhóm 4 và 5: Có tài liệu mô tả về ý tưởng sáng tạo phát triển sản phẩm.	1) Đáp ứng các yêu cầu của hạng 01 sao.	1) Đáp ứng các yêu cầu của hạng 02 sao. 2) Trí tuệ/bản sắc địa phương: Câu chuyện về sản phẩm gắn với nguồn gốc xuất xứ. 3) Phân phối sản phẩm: Có kênh phân phối sản phẩm.	1) Đáp ứng các yêu cầu của hạng 03 sao. 2) Trí tuệ/bản sắc địa phương: Câu chuyện sản phẩm đặc sắc, mang sắc thái truyền thống của địa phương. 3) Phân phối sản phẩm: Có kênh phân phối sản phẩm.	1) Đáp ứng các yêu cầu của hạng 04 sao. 2) Phân phối sản phẩm: Có hệ thống kênh phân phối sản phẩm.
Phần C. Chất lượng sản phẩm		1) Hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm: Nhóm 4 và 5: Có bản mô tả về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm.	1) Hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm: Có công bố tiêu chuẩn sản phẩm theo quy định. 2) Đảm bảo chất lượng sản phẩm: Nhóm 1, 2, 3 và 4: Có kế hoạch kiểm soát nội bộ gắn với truy xuất nguồn gốc theo quy định của pháp luật.	1) Đáp ứng các yêu cầu của hạng 03 sao. 2) Tính độc đáo: Nhóm 1, 2, 3 và 4: Chất lượng sản phẩm độc đáo, mang tính đặc trưng. 3) Mức độ tinh xảo/sắc nét: Nhóm 5: Chất lượng sản phẩm tinh xảo.	1) Đáp ứng các yêu cầu của hạng 04 sao. 2) Đảm bảo chất lượng sản phẩm: Có chứng nhận quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng các tiêu chuẩn thị trường đích.

Nhóm tiêu chí	Một số tiêu chí cần đạt tối thiểu theo từng phân hạng sản phẩm OCOP				
	01 sao	02 sao	03 sao	04 sao	05 sao
			3) Mức độ tinh xảo/sắc nét; Nhóm 5: Có giá trị mỹ thuật, kỹ thuật.	4) Đảm bảo chất lượng sản phẩm: Nhóm 1, 2, 3 và 4: Có chứng nhận quản lý chất lượng tiên tiến của Việt Nam.	

* **Ghi chú:** Nhóm sản phẩm được phân loại dựa theo Phụ lục I Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm:

- Nhóm 1: Thực phẩm tươi sống và Thực phẩm thô, sơ chế.
- Nhóm 2. Thực phẩm chế biến (đồ ăn nhanh); Gia vị; Chè; Cà phê, Ca cao.
- Nhóm 3. Thực phẩm chế biến (trừ đồ ăn nhanh), Đồ uống có cồn, Đồ uống không cồn.
- Nhóm 4. Thực phẩm chức năng, thuốc từ dược liệu, thuốc y học cổ truyền; Mỹ phẩm; Trang thiết bị, dụng cụ y tế; Thảo dược khác.
- Nhóm 5: Thủ công mỹ nghệ, trang trí; Thủ công mỹ nghệ gia dụng; Vải, may mặc.



Phụ lục II

Kèm theo Quyết định số 781/QĐ-TTg
ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

26. Bộ sản phẩm: Dịch vụ du lịch cộng đồng và điểm du lịch
(Ngành: Dịch vụ du lịch nông thôn và bán hàng. Nhóm: Dịch vụ du lịch cộng đồng và điểm du lịch)

Tên sản phẩm:.....

Mã số sản phẩm.(T).-(H).-(STT).-20.....

T: Mã tỉnh - H: Mã huyện - STT: Số thứ tự sản phẩm do huyện lập thống kê - Năm đánh giá. Mã đơn vị hành chính theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004.

Tên chủ thể kinh doanh:.....

Địa chỉ:

Phần A

SẢN PHẨM VÀ SỨC MẠNH CỘNG ĐỒNG (35 Điểm)

1. TỔ CHỨC DỊCH VỤ CỘNG ĐỒNG	15 Điểm
1.1. Bộ phận điều phối quản lý và điều hành dịch vụ	3 Điểm
☐ Có Bộ phận điều phối quản lý và điều hành dịch vụ	1 Điểm
☐ Có Bộ phận điều phối quản lý và điều hành dịch vụ, có kế hoạch và tổ chức triển khai kế hoạch quản lý, điều hành	3 Điểm
1.2. Cơ chế quản lý/quy định	6 Điểm
☐ Có cơ chế/quy định quản lý hoạt động dịch vụ	2 Điểm
☐ Có cơ chế/quy định quản lý hoạt động dịch vụ được phân nhiệm rõ ràng	4 Điểm
☐ Có cơ chế/quy định quản lý hoạt động dịch vụ được phân nhiệm rõ ràng trên cơ sở người dân địa phương tham gia quản lý và vận hành và hưởng lợi (trực tiếp/gián tiếp)	6 Điểm
1.3. Bảo vệ môi trường trong cộng đồng làm du lịch/điểm du lịch	4 Điểm
☐ Có giải pháp cụ thể về bảo vệ môi trường (thu gom rác thải, nước thải sinh hoạt...)	1 Điểm
☐ Có giải pháp cụ thể và trang bị hạ tầng kỹ thuật chung về bảo vệ môi trường	2 Điểm
☐ Có giải pháp cụ thể và có trang bị hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường và triển khai mô hình cộng đồng tự quản về môi trường	3 Điểm
☐ Có giải pháp cụ thể và có trang bị hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường và triển khai mô hình cộng đồng tự quản về môi trường, đạt chuẩn tiêu chí về môi trường trong xây dựng nông thôn mới hoặc có đánh giá tác động môi trường theo quy định	4 Điểm

1.4. Sử dụng năng lượng tiết kiệm	2 Điểm
☐ Có giải pháp tiết kiệm năng lượng (bằng hoạt động cụ thể)	1 Điểm
☐ Có giải pháp tiết kiệm, thu hồi năng lượng, tái sử dụng năng lượng, nguyên liệu tại địa phương và sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường	2 Điểm
2. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM	7 Điểm
2.1. Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm dịch vụ du lịch	5 Điểm
☐ Phát triển dựa trên sản phẩm của nơi khác, có dựa trên lợi thế và đặc trưng của địa phương	1 Điểm
☐ Phát triển dựa trên ý tưởng của mình, không trùng lặp với các sản phẩm du lịch khác	3 Điểm
☐ Có tính độc đáo, khác biệt và có gắn kết các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương vào sản phẩm du lịch	5 Điểm
2.2. Tổ chức dịch vụ theo thị trường mục tiêu	2 Điểm
☐ Có kế hoạch phát triển thị trường mục tiêu	1 Điểm
☐ Có kế hoạch và có các sản phẩm dịch vụ du lịch phù hợp với thị trường mục tiêu.	2 Điểm
3. SỨC MẠNH CỘNG ĐỒNG	13 Điểm
3.1. Loại hình tổ chức sản xuất - kinh doanh	3 Điểm
☐ Hộ gia đình có đăng ký kinh doanh, tổ hợp tác, Công ty TNHH một thành viên, doanh nghiệp tư nhân (DNTN)	1 Điểm
☐ Công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương < 51%	2 Điểm
☐ HTX tổ chức, hoạt động theo Luật HTX hoặc công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương $\geq 51\%$	3 Điểm
3.2. Sự tham gia của cộng đồng trong quản lý, điều hành	2 Điểm
<i>Lựa chọn một trong hai trường hợp sau:</i>	
a. Trường hợp 1: Công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, HTX, Tổ hợp tác:	
☐ Có < 50% số thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc, HĐQT, HĐQTV) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh < 50% số thành viên tổ hợp tác	1 Điểm
☐ Có $\geq 50\%$ số thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc, HĐQT, HĐQTV) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc < 50% số thành viên quản trị cao cấp là người trong tỉnh nhưng có thành viên là phụ nữ địa phương	2 Điểm
b. Trường hợp 2: Công ty TNHH một thành viên, doanh nghiệp tư nhân, hộ gia đình:	
☐ Giám đốc/Chủ hộ không phải là người trong tỉnh	1 Điểm
☐ Giám đốc/Chủ hộ là người trong tỉnh hoặc đã từng làm việc thường xuyên trong tỉnh từ 06 tháng trở lên	2 Điểm

3.3. Sử dụng lao động địa phương	3 Điểm
☐ Có sử dụng < 50% lao động là người địa phương	1 Điểm
☐ Có sử dụng ≥ 50% lao động là người địa phương	3 Điểm
3.4. Tăng trưởng sản xuất kinh doanh	3 Điểm
☐ Có tăng trưởng về doanh thu so với năm trước liền kề	1 Điểm
☐ Có tăng trưởng ≥ 10% về doanh thu so với năm trước liền kề	3 Điểm
3.5. Kế toán	2 Điểm
☐ Có kế toán khi có yêu cầu, thời vụ	1 Điểm
☐ Có kế toán, công tác kế toán được thực hiện thường xuyên	2 Điểm

Tổng Điểm phần A:..... Điểm

Phần B KHẢ NĂNG TIẾP THỊ (25 Điểm)

4. TIẾP THỊ	17 Điểm
4.1. Liên kết chuỗi giá trị trong quảng bá sản phẩm	5 Điểm
☐ Có đại diện/đại lý quảng bá sản phẩm	1 Điểm
☐ Có ≥ 3 đại diện/đại lý quảng bá sản phẩm trong và ngoài tỉnh	3 Điểm
☐ Có ≥ 5 đại diện/đại lý quảng bá sản phẩm trong và ngoài tỉnh	5 Điểm
4.2 Liên kết vùng và chuỗi giá trị trong sản phẩm	3 Điểm
☐ Có liên kết với các điểm dịch vụ du lịch khác trong tỉnh để hình thành chặng tuyến sản phẩm du lịch	1 Điểm
☐ Có liên kết với các điểm dịch vụ du lịch khác trong và ngoài tỉnh để hình thành chặng tuyến sản phẩm du lịch	2 Điểm
☐ Có liên kết với các điểm dịch vụ du lịch khác trong, ngoài tỉnh và quốc tế để hình thành chặng tuyến sản phẩm du lịch	3 Điểm
4.3. Tổ chức quảng bá, bán hàng (Gồm: Tổ chức kinh doanh, phân phối sản phẩm)	2 Điểm
☐ Có người chịu trách nhiệm quản lý quảng bá, bán hàng	1 Điểm
☐ Có bộ phận/phòng quản lý quảng bá, bán hàng, có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý/bán hàng	2 Điểm
4.4. Quảng bá sản phẩm	4 Điểm
☐ Có nhiều hoạt động quảng bá, có trang thông tin điện tử (website) giới thiệu về điểm, cộng đồng du lịch	1 Điểm
☐ Có nhiều hoạt động quảng bá, có trang thông tin điện tử (website) giới thiệu về điểm, cộng đồng du lịch, có sử dụng đặt hàng trực tuyến (online)	2 Điểm

☐ Có nhiều hoạt động quảng bá, có trang thông tin điện tử (website) giới thiệu về điểm, cộng đồng du lịch, có sử dụng đặt hàng trực tuyến (online) trong nước và quốc tế uy tín (Booking, Agoda, NPB, TripAdvisor, Traveloka, iVivu...)	3 Điểm
☐ Có nhiều hoạt động quảng bá quốc tế, có trang thông tin điện tử (website) bằng tiếng nước ngoài giới thiệu về điểm, cộng đồng du lịch, có sử dụng đặt hàng trực tuyến (online) trong nước và quốc tế uy tín (Booking, Agoda, NPB, TripAdvisor, Traveloka, iVivu...) có hoạt động quảng bá quốc tế	4 Điểm
4.5. Bộ nhận diện quảng bá sản phẩm	3 Điểm
☐ Có tờ rơi quảng bá về dịch vụ du lịch	1 Điểm
☐ Có phim ngắn (video clip), tranh ảnh áp-phích (poster), tờ rơi quảng bá về dịch vụ du lịch	2 Điểm
☐ Có phim ngắn (video clip), tranh ảnh áp-phích (poster), tờ rơi quảng bá về dịch vụ du lịch được thể hiện bằng tiếng cả tiếng Việt và ít nhất 01 tiếng nước ngoài phù hợp, có đăng ký nhãn hiệu dịch vụ du lịch của cộng đồng	3 Điểm
5. CÂU CHUYỆN SẢN PHẨM	8 Điểm
5.1. Câu chuyện về sản phẩm	4 Điểm
☐ Có cảm nang/câu chuyện liên quan đến sản phẩm dịch vụ du lịch	1 Điểm
☐ Có cảm nang/câu chuyện liên quan đến sản phẩm dịch vụ du lịch có tính riêng, đặc sắc, thể hiện trí tuệ bản sắc địa phương	2 Điểm
☐ Có cảm nang/câu chuyện liên quan đến sản phẩm dịch vụ du lịch có tính riêng, đặc sắc, thể hiện trí tuệ bản sắc địa phương và được thể hiện bằng tiếng nước ngoài phù hợp	4 Điểm
5.2. Trình bày câu chuyện sản phẩm	2 Điểm
☐ Cảm nang/câu chuyện được tư liệu hóa và trình bày tại điểm cung cấp dịch vụ du lịch	1 Điểm
☐ Cảm nang/câu chuyện được tư liệu hóa và trình bày tại điểm du lịch trong và ngoài tỉnh.	2 Điểm
5.3. Sản phẩm dịch vụ du lịch trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới	2 Điểm
☐ Cộng đồng du lịch/Điểm du lịch trên địa bàn xã hoặc thôn, bản, ấp chưa được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới hoặc không thuộc khu vực nông thôn.	1 Điểm
☐ Cộng đồng du lịch/Điểm du lịch trên địa bàn xã hoặc thôn, bản, ấp đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	2 Điểm

Phần C CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM (40 Điểm)

6. Vị trí	3 Điểm
☐ Thuận lợi, dễ tiếp cận	1 Điểm

- ☐ Thuận lợi, dễ tiếp cận, liền kề khu vực có lợi thế phát triển du lịch 2 Điểm
- ☐ Thuận lợi, dễ tiếp cận, liền kề và có tính liên kết với khu vực/địa điểm có lợi thế phát triển du lịch khác. 3 Điểm

7. Kiến trúc và cảnh quan môi trường

3 Điểm

- ☐ Cảnh quan môi trường sạch đẹp 1 Điểm
- ☐ Cảnh quan môi trường sạch đẹp, kiến trúc mang đặc trưng vùng miền, có tính dân tộc 2 Điểm
- ☐ Cảnh quan môi trường sạch đẹp, kiến trúc mang đặc trưng vùng miền, có tính dân tộc; xã/thôn đạt tiêu chí sáng - xanh - sạch đẹp trong xây dựng nông thôn mới 3 Điểm

8. Bảo vệ, bảo tồn các di sản văn hóa, thiên nhiên, đa dạng sinh học liên quan đến sản phẩm dịch vụ du lịch

4 Điểm

- ☐ Có hoạt động bảo vệ và bảo tồn các di sản văn hóa/thiên nhiên, hệ sinh thái, đa dạng sinh học 1 Điểm
- ☐ Có chương trình/kế hoạch chung của cộng đồng, có hoạt động bảo vệ và bảo tồn các di sản văn hóa/thiên nhiên, hệ sinh thái, đa dạng sinh học 2 Điểm
- ☐ Có chương trình/kế hoạch chung của cộng đồng, cả cộng đồng đều có hoạt động bảo vệ và bảo tồn các di sản văn hóa/thiên nhiên, hệ sinh thái, đa dạng sinh học 4 Điểm

9. Chất lượng về điều kiện kinh doanh dịch vụ

3 Điểm

a. Trường hợp 1: Cộng đồng dịch vụ du lịch

- ☐ Dưới 50% cơ sở dịch vụ được cấp chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định (dịch vụ lưu trú, vận chuyển, ...) 1 Điểm
- ☐ Có từ 50% đến dưới 75% cơ sở dịch vụ được chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định (dịch vụ lưu trú, vận chuyển, ...) 2 Điểm
- ☐ Có từ 75% trở lên cơ sở dịch vụ được cấp chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định (dịch vụ lưu trú, vận chuyển, ...) 3 Điểm

b. Trường hợp 2: Điểm dịch vụ du lịch

- ☐ Có đăng ký kinh doanh dịch vụ du lịch 1 Điểm
- ☐ Có chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ du lịch 2 Điểm
- ☐ Có chứng nhận đủ điều kiện, đạt chuẩn về kinh doanh dịch vụ du lịch 3 Điểm

10. Chất lượng an toàn và an ninh trật tự

2 Điểm

a. Trường hợp 1: Cộng đồng dịch vụ du lịch

- ☐ An ninh trật tự tốt và có ít nhất 75% số cơ sở kinh doanh dịch vụ đảm bảo yêu cầu về phòng chống cháy nổ theo quy định 1 Điểm
- ☐ An ninh trật tự tốt và có 100% số cơ sở kinh doanh dịch vụ đảm bảo yêu cầu về phòng chống cháy nổ theo quy định 2 Điểm

b. Trường hợp 2: Điểm dịch vụ du lịch

- ☐ An ninh trật tự tốt và đảm bảo yêu cầu về phòng chống cháy nổ theo quy định 1 Điểm

☐ An ninh trật tự tốt, đảm bảo yêu cầu về phòng chống cháy nổ theo quy định và có bảo vệ, nhân viên phòng chống cháy nổ được tập huấn định kỳ	2 Điểm
11. Tính hoàn thiện của quá trình dịch vụ	3 Điểm
☐ Có điểm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm truyền thống địa phương	1 Điểm
☐ Có điểm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm truyền thống và sản phẩm OCOP của địa phương, có tài liệu giới thiệu về sản phẩm, dịch vụ	2 Điểm
☐ Có điểm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm truyền thống và sản phẩm OCOP của địa phương, có tài liệu giới thiệu về sản phẩm, dịch vụ, địa điểm bán có hạ tầng (bãi đỗ, nhà vệ sinh, khu giới thiệu về dịch vụ) được bố trí hài hòa.	3 Điểm
12. Hoạt động trải nghiệm	2 Điểm
☐ Có hoạt động trải nghiệm	1 Điểm
☐ Có mô hình hoạt động trải nghiệm	2 Điểm
13. Quản lý và nhân viên	4 Điểm
☐ Có dưới 50% lao động tham gia quản lý và nhân viên đã được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ	1 Điểm
☐ Có từ 50% đến 75% lao động tham gia quản lý và nhân viên đã được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ	2 Điểm
☐ Trên 75% lao động tham gia quản lý và nhân viên đã được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ; có nhân viên tiếp đón thành thạo ít nhất 01 ngoại ngữ	4 Điểm
14. Chất lượng sản phẩm dịch vụ du lịch	4 Điểm
☐ Sản phẩm dịch vụ du lịch phong phú, hấp dẫn	1 Điểm
☐ Sản phẩm dịch vụ du lịch phong phú, hấp dẫn, an toàn, chất lượng cao	2 Điểm
☐ Sản phẩm dịch vụ du lịch phong phú, hấp dẫn, an toàn, chất lượng cao và được du khách đánh giá cao qua phiếu đánh giá hoặc bình chọn của khách hàng trên các trang điện tử dịch vụ lữ hành, du lịch uy tín (Booking, Agoda, TripAdvisor, Traveloka, iVivu...)	3 Điểm
☐ Sản phẩm dịch vụ du lịch phong phú, hấp dẫn, an toàn, chất lượng cao, mang đặc sắc vùng miền và được du khách đánh giá cao qua phiếu đánh giá hoặc bình chọn của khách hàng trên các trang điện tử dịch vụ lữ hành, du lịch uy tín (Booking, Agoda, TripAdvisor, Traveloka, iVivu...)	4 Điểm
15. Chất lượng phục vụ	4 Điểm
☐ Thái độ phục vụ thân thiện, nhanh nhẹn, chu đáo	1 Điểm
☐ Thái độ phục vụ thân thiện, nhanh nhẹn, chu đáo, được du khách đánh giá cao	2 Điểm
☐ Thái độ phục vụ thân thiện, nhanh nhẹn, chu đáo, được du khách đánh giá cao qua phiếu đánh giá hoặc bình chọn của khách hàng trên các trang điện tử dịch vụ lữ hành, du lịch uy tín (Booking, Agoda, TripAdvisor, Traveloka, iVivu...)	4 Điểm

16. Tiện nghi	3 Điểm
a. Trường hợp 1: Cộng đồng dịch vụ du lịch	
☐ Hạ tầng giao thông nội bộ thuận tiện, điện, nước sạch, khu vệ sinh, dịch vụ internet đầy đủ	1 Điểm
☐ Hạ tầng giao thông nội bộ thuận tiện, điện, nước sạch, khu vệ sinh, dịch vụ internet đầy đủ, xã/thôn có các tiêu chí (giao thông, điện, nước, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm) đạt chuẩn nông thôn mới	3 Điểm
b. Trường hợp 2: Điểm dịch vụ du lịch	
☐ Có hệ thống điện, nước sạch, khu vệ sinh, dịch vụ internet đầy đủ	1 Điểm
☐ Có hệ thống điện, nước sạch, khu vệ sinh, dịch vụ internet đầy đủ, đảm bảo chất lượng và được khách đánh giá cao	3 Điểm
17. Hoạt động thu hút khách du lịch	3 Điểm
☐ Có cung cấp, tổ chức hoạt động trình diễn lễ, hội, văn hóa tại điểm dịch vụ du lịch	1 Điểm
☐ Có cung cấp, tổ chức hoạt động trình diễn lễ hội, văn hóa tại điểm dịch vụ du lịch và mang tính cộng đồng ít nhất 02 lần/năm	2 Điểm
☐ Có cung cấp, tổ chức hoạt động trình diễn lễ hội, văn hóa tại điểm dịch vụ du lịch và mang tính cộng đồng, đặc sắc văn hóa dân tộc, vùng miền ít nhất 02 lần/năm	3 Điểm
18. Hàng hóa dịch vụ (ăn uống, đồ lưu niệm...)	2 Điểm
☐ Hàng hóa dịch vụ có nguồn gốc rõ ràng, có tiêu chuẩn chất lượng phù hợp mang tính đặc sản địa phương	1 Điểm
☐ Hàng hóa dịch vụ có nguồn gốc rõ ràng, có tiêu chuẩn chất lượng phù hợp mang tính đặc sản địa phương, và bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, có sản phẩm OCOP được bày, bán	2 Điểm

Tổng Điểm phần C:..... Điểm

Kết quả

Tổng Điểm (Phần A + B + C):..... Điểm

Xếp hạng:..... Sao

Ý kiến của người đánh giá:

.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ

(Ký và ghi rõ họ tên)